

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-03-2018

Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Kiến Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
2. Bà Đinh Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017, về “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Thành T, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Tăng Thị Mỹ D, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn CQ, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Vào năm 1980 ông có xác lập quan hệ vợ chồng với bà Tăng Thị Mỹ D và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có 04 người con chung

gồm: Lê Thị Yên A, sinh năm 1981; Lê Chiêu A, sinh năm 1983; Lê Thị Trúc A, sinh năm 1985 và Lê Thị Hồng A, sinh năm 1987. Hiện nay các con chung đã thành niên và sống tự lập. Về tài sản chung: Vợ chồng ông đã tự thỏa thuận phân chia xong. Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân ly hôn: Vợ ông không tin tưởng ông, thường xuyên ghen tuông vô cớ, tính tình khó khăn, thường xuyên chửi ông và không tôn trọng ông, ông đã nhiều lần nhường nhịn nhưng vợ ông vẫn không thay đổi nên vợ chồng ông đã sống ly thân nhau khoảng 07 năm nay, tuy thỉnh thoảng ông vẫn quay về sống chung với vợ ông nhưng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không hàn gắn được nên ông thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với vợ ông được nữa.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với vợ ông là bà Tăng Thị Mỹ D. Về con chung: Do các con chung đã thành niên và sống tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng ông đã tự thỏa thuận phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn Q đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân của ông Lê Văn Q (bản sao);
- 01 (một) Sổ hộ khẩu gia đình do ông Lê Văn Q làm chủ hộ (bản sao);
- 01 (một) Giấy trích lục kết hôn số 472/TLKH-BS ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa.

Đối với bị đơn bà Tăng Thị Mỹ D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bà Tăng Thị Mỹ D nhưng bà Tăng Thị Mỹ D không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của bà Tăng Thị Mỹ D được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Tăng Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Tăng Thị Mỹ D vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tăng Thị Mỹ D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn Q và bà Tăng Thị Mỹ D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1980 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hòa vào năm

2014 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân của ông Lê Văn Q và bà Tăng Thị Mỹ D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến ông bà đã sống ly thân nhau. Tại phiên tòa, ông Lê Văn Q xác định giữa ông và bà Tăng Thị Mỹ D không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Văn Q và bà Tăng Thị Mỹ D đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho ông Lê Văn Q được ly hôn với bà Tăng Thị Mỹ D.

[3] *Về con chung*: Các con chung tên Lê Thị Yến A, sinh năm 1981; Lê Chiêu A, sinh năm 1983; Lê Thị Trúc A, sinh năm 1985 và Lê Thị Hồng A, sinh năm 1987 đã thành niên và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Lê Văn Q khai đã tự thỏa thuận phân chia xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ông Lê Văn Q khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với bà Tăng Thị Mỹ D để biết được ý kiến của bà Tăng Thị Mỹ D như thế nào về tài sản chung và nợ chung, bà Tăng Thị Mỹ D có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung giữa bà Tăng Thị Mỹ D và ông Lê Văn Q hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn bà Tăng Thị Mỹ D có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với ông Lê Văn Q thì bà Tăng Thị Mỹ D được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với ông Lê Văn Q.

[5] *Về án phí*: Ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Tăng Thị Mỹ D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q, cho ông Lê Văn Q được ly hôn với bà Tăng Thị Mỹ D.

2. Đối với con chung: Các con chung tên Lê Thị Yến A, sinh năm 1981; Lê Chiêu A, sinh năm 1983; Lê Thị Trúc A, sinh năm 1985 và Lê Thị Hồng A, sinh năm 1987 đã thành niên và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn Q khai đã tự thỏa thuận phân chia xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Văn Q khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Nếu sau khi ly hôn bà Tăng Thị Mỹ D có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với ông Lê Văn Q thì bà Tăng Thị Mỹ D được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với ông Lê Văn Q.

5. Về án phí: Ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011707 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Bị đơn bà Tăng Thị Mỹ D không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Tăng Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Kiến Quốc